

QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THÀNH PHỐ HUẾ

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THÀNH PHỐ HUẾ

Địa chỉ: Số 2B Trần Cao Vân, phường Thuận Hoà,
thành phố Huế

Điện thoại: 0234 3822519 hoặc 0234 3933573

Fax: 3824480

Email: bchpclbtckn@thuathienhue.gov.vn hoặc
quyphongchongthientaitth@gmail.com

Số tài khoản: 37610302910891049 tại Kho bạc Nhà
nước khu vực XIII - Phòng nghiệp vụ 2

Số tài khoản: 1024659196 tại Ngân hàng thương
mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Huế
(Vietcombank)

Số tài khoản: 8680045723 tại Ngân hàng thương
mại cổ phần Đầu tư và Phát triển chi nhánh Huế (BIDV)

I. VĂN BẢN LIÊN QUAN

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế);
- Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế);
- Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế);
- Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Huế.



II. NGUỒN TÀI CHÍNH

- Đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn.
- Đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp cho Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đóng góp hàng năm như sau:
 - Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang;
 - Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp;
 - Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này.
- Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
- Điều tiết từ Quỹ trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh.
- Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.
- Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).
- Tồn dư Quỹ cuối năm trước được chuyển sang năm sau.

III. MỨC ĐÓNG, PHƯƠNG THỨC ĐÓNG

1. Mức đóng

a) Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn

Mức đóng góp bắt buộc một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500.000 đồng, tối đa 100.000.000 đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

b) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đóng góp hàng năm như sau

- Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ

chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.
- Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại đoạn 1 và đoạn 2 điểm này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

2. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

a) Đối tượng được miễn đóng góp:

- Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020.
- Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; đối tượng được trợ giúp xã hội khẩn cấp theo quy định của pháp luật về chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định này từ đủ 60 tuổi trở lên;
- Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.
- Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề.
- Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo; người mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự.
- Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên.
- Phụ nữ đang mang thai; phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.
- Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các

NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

*là quyền lợi và nghĩa vụ
của các tổ chức, cá nhân.*





GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI LÀ CÔNG VIỆC CỦA TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quyết định của Ủy ban Dân tộc và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Hợp tác xã không có nguồn thu.
- Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng wgóp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh. Mức giảm đóng góp quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

3. Phương thức đóng

- Cá nhân:** Nộp một lần *trước 31 tháng 7 hàng năm*;
- Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn:** Nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước 31 tháng 7, số còn lại nộp *trước 30 tháng 11 hàng năm*.

4. Nơi đóng quỹ

- Thủ trưởng các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm thu quỹ của người lao động do mình quản lý, kèm trích phần quỹ tổ chức phải đóng theo quy định, nộp vào tài khoản Quỹ hoặc vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.
- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ hoặc vào tài khoản ở cấp huyện do UBND tỉnh ủy quyền.
- UBND cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn và chuyển vào tài khoản ở cấp huyện do UBND tỉnh ủy quyền.

IV. CHI QUỸ

1. Quỹ Phòng, chống thiên tai được chi cho:

a) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; Tuân tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; Hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp ở vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến

giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở; Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

2. Phân bổ ngân sách quỹ

a) UBND cấp xã giữ lại 28% số thu trên địa bàn để chi:

Chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%; Chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%; **Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%.** Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ thành phố. Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III, UBND thành phố quyết định phân bổ tối thiểu cho UBND cấp xã phải bằng số tiền của cấp xã được phân bổ thấp nhất.

b) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, UBND thành phố thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết.

3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ.

Hoạt động thuộc dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với thiên tai và biến đổi khí hậu cho cộng đồng tại thành phố Huế”, nằm trong khuôn khổ chương trình Đánh giá Khả năng Chống chịu với ĐBKH của Cộng đồng (CRMC), do Quỹ Z Zurich tài trợ. Chương trình được hỗ trợ bởi Liên Minh Khả năng Chống chịu với ĐBKH Zurich (ZCRA).

Quét mã QR để tài trợ



Để biết thêm về ZCRA, xin truy cập: <https://zcralliance.org/>

Để biết thêm về ISET, xin truy cập: <https://i-s-e-t.org>



SƠ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC THỦY LỢI
VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
THÀNH PHỐ HUẾ



Powered by: ZURICH Foundation



Đơn vị soạn tài liệu

Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Huế

Địa chỉ

Số 2B Trần Cao Vân, phường Thuận Hoá, Thành Phố Huế

4. Chi một số nội dung khác cho công tác ứng phó thiên tai theo chỉ đạo của UBND thành phố.

5. Được điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác có mức thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của họ.

V. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 17, Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều, quy định:

1. Phạt tiền đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai dưới 300.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 300.000 đồng đến dưới 500.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 500.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

i) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

k) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài khi thực hiện hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai của các cá nhân do mình quản lý cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc đóng Quỹ phòng, chống thiên tai đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.